

**ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K16XDD
 TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN TÊN MÔN HỌC: THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG HỌC KỲ 5
M? MÔN H ỌC : CIE-322 TÍNH CHỈ 1 LẦN THI 1

Ngày thi: 15/12/2012

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10				20	15			55	100			
1	152212614	TRƯỜNG QUỐC BÔNG	K16XDD1	10				5	7.5			6.5	6.7	Sau phap Bai		
2	152212624	TRƯỜNG THANH PHƯƠNG	K16XDD1	10				5	7.5			6.5	6.7	Sau phap Bai		
3	152212670	NGUYỄN TRÍ HÀ	K16XDD1	10				5	7.5			6	6.4	Sau phap Bai		
4	152212703	LÊ ANH VŨ	K16XDD1	0				0	0			HP	0.0	Khang		
5	152316364	NGUYỄN VĂN VỸ	K16XDD1	9				8	8.5			6.5	7.4	Bai phap Bai		
6	162213213	NGUYỄN ĐỨC B?NH	K16XDD1	9				6.5	8			4	5.6	Nam phap Sau		
7	162213216	NGUYỄN TUẤN ĐĂNG	K16XDD1	9				6.5	8			4	5.6	Nam phap Sau		
8	162213218	NGUYỄN TRUNG ĐỘ	K16XDD1	10				7.5	9			5.5	6.9	Sau phap Chen		
9	162213221	NGÔ LÊ MINH ĐỨC	K16XDD1	10				7.5	9			5.5	6.9	Sau phap Chen		
10	162213223	ĐOÀN VĂN DUY	K16XDD1	10				8	9			7	7.8	Bai phap Tam		
11	162213227	NGUYỄN VĂN HẢI	K16XDD1	10				9.5	10			8.5	9.1	Chen phap Mau		
12	162213228	NGUYỄN Đ?NH HẠNH	K16XDD1	10				7	8.5			7	7.5	Bai phap Nam		
13	162213233	TRẦN LÊ HIẾU	K16XDD1	8.5				6.5	7.5			8.5	8.0	Tam		
14	162213241	NGUYỄN VĂN HOÀNG	K16XDD1	10				8	9			6.5	7.5	Bai phap Nam		
15	162213250	LÊ THÊ HUY	K16XDD1	9				8	8.5			5	6.5	Sau phap Nam		
16	162213253	ĐỖ HỮU KHANG	K16XDD1	10				9	9.5			7.5	8.4	Tam phap Bai		
17	162213255	TRẦN PHƯỚC LỊCH	K16XDD1	10				7	8.5			7.5	7.8	Bai phap Tam		
18	162213258	LÊ DUY LỘC	K16XDD1	10				9.5	10			4	6.6	Sau phap Sau		
19	162213263	ĐẶNG NGỌC LONG	K16XDD1	10				9.5	10			9.5	9.6	Chen phap Sau		
20	162213267	HỒ THẮNG MINH	K16XDD1	9				6.5	8			6.5	7.0	Bai		
21	162213270	V? TRUNG NGHĨA	K16XDD1	10				9.5	10			8.5	9.1	Chen phap Mau		
22	162213273	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	K16XDD1	10				9.5	10			9	9.4	Chen phap Bai		
23	162213277	TRẦN LÊ NINH	K16XDD1	10				9.5	10			9.5	9.6	Chen phap Sau		
24	162213281	NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG	K16XDD1	10				7	8.5			7.5	7.8	Bai phap Tam		
25	162213284	LÊ THÊ QUÂN	K16XDD1	10				5	7.5			6	6.4	Sau phap Bai		
26	162213287	HOÀNG THANH QUANG	K16XDD1	9				8.5	9			5.5	7.0	Bai		
27	162213291	NGUYỄN THANH SAN	K16XDD1	9.5				9.5	9.5			9	9.2	Chen phap Hai		
28	162213301	ĐOÀN VĂN THANH	K16XDD1	10				6.5	8.5			7	7.4	Bai phap Bai		
29	162213304	LÊ TRUNG THÀNH	K16XDD1	10				7	8.5			7.5	7.8	Bai phap Tam		
30	162213310	V? ĐĂNG THỨ	K16XDD1	10				8	9			7	7.8	Bai phap Tam		
31	162213314	HOÀNG VĂN THƯỜNG	K16XDD1	9.5				8	9			5	6.7	Sau phap Bai		
32	162213317	PHAN MINH TIẾN	K16XDD1	9				8.5	9			10	9.5	Chen phap Nam		
33	162213328	HỒ VĂN TRUNG	K16XDD1	9.5				9	9.5			7.5	8.3	Tam phap Ba		
34	162213331	HOÀNG NGỌC TRƯỜNG	K16XDD1	10				8.5	9.5			10	9.6	Chen phap Sau		
35	162213337	DƯƠNG ANH TUẤN	K16XDD1	10				8.5	9.5			5.5	7.2	Bai phap Hai		
36	162213339	VĂN HỮU TUẤN	K16XDD1	10				5	7.5			6.5	6.7	Sau phap Bai		
37	162213341	TRẦN VĂN TUẤN	K16XDD1	10				6.5	8.5			7	7.4	Bai phap Bai		
38	162213342	NGÔ VIỆT TUẤN	K16XDD1	10				7	8.5			7.5	7.8	Bai phap Tam		
39	162213345	NGUYỄN TRÍ TUẤN	K16XDD1	9.5				7.5	8.5			8	8.1	Tam phap Mau		
40	162213350	TRƯỜNG CÔNG VŨ	K16XDD1	10				6.5	8.5			8.5	8.3	Tam phap Ba		

41	162213354	NGUYỄN TUẤN	VŨ	K16XDD1	8				6.5	7.5			2.5	0.0	Khăng	
42	162216501	NGÔ TRÍ	NGUYỄN	K16XDD1	8.5				7	8			7	7.3	Báy pháy Ba	
43	162216630	TRẦN THÁI	BẢO	K16XDD1	9.5				6.5	8			6.5	7.0	Báy	
44	162216705	NGUYỄN VĨNH	AN	K16XDD1	10				9.5	10			9.5	9.6	Chèn pháy Sầu	
45	162216913	PHAN VĂN	PHÁT	K16XDD1	9				6.5	8			2.5	0.0	Khăng	
46	162217004	NGUYỄN LƯƠNG TUẤN	ANH	K16XDD1	10				7.5	9			8	8.3	Tâm pháy Ba	
47	162217346	BẠCH THANH	QUÍ	K16XDD1	9.5				8.5	9			10	9.5	Chèn pháy Năm	
48	162524298	ĐỒNG PHƯỚC	NHÀN	K16XDD1	10				8.5	9.5			10	9.6	Chèn pháy Sầu	
49	162163166	NGUYỄN MINH	HẢI	K16XDD2	10				9	9.5			9.5	9.5	Chèn pháy Năm	
50	162213210	NGUYỄN THANH	B?NH	K16XDD2	8.5				9	9			10	9.5	Chèn pháy Năm	
51	162213217	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	K16XDD2	9.5				7	8.5			5.5	6.7	Sầu pháy Báy	
52	162213219	LÊ NHẬT CÔNG	DOAN	K16XDD2	10				9	9.5			8.5	8.9	Tâm pháy Chèn	
53	162213225	TRẦN KHÁNH	DUY	K16XDD2	10				9	9.5			9.5	9.5	Chèn pháy Năm	
54	162213229	NGUYỄN VĂN	HẢO	K16XDD2	10				8.5	9.5			7.5	8.3	Tâm pháy Ba	
55	162213237	PHAN Đ?NH	HOÀNG	K16XDD2	9.5				8	9			7.5	8.0	Tâm	
56	162213239	NGUYỄN NGỌC	HOÀNG	K16XDD2	10				8.5	9.5			6	7.4	Báy pháy Bẩu	
57	162213252	THÁI	HUY	K16XDD2	9.5				9	9.5			8	8.6	Tâm pháy Sầu	
58	162213256	TRẦN HOÀNG	LINH	K16XDD2	9.5				8	9			5	6.7	Sầu pháy Báy	
59	162213259	ĐỖ ĐĂNG	LỢI	K16XDD2	10				9	9.5			9.5	9.5	Chèn pháy Năm	
60	162213262	NGUYỄN ĐẠI	LONG	K16XDD2	10				8.5	9.5			6.5	7.7	Báy pháy Báy	
61	162213266	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	K16XDD2	10				7	8.5			9.5	8.9	Tâm pháy Chèn	
62	162213269	NGUYỄN HOÀNG	NAM	K16XDD2	9.5				7	8.5			5.5	6.7	Sầu pháy Báy	
63	162213271	HOÀNG NGUYỄN	NGỌC	K16XDD2	9.5				8.5	9			6.5	7.6	Báy pháy Sầu	
64	162213274	HUỖNH BÁ	NGUYỄN	K16XDD2	9				8	8.5			6.5	7.4	Báy pháy Bẩu	
65	162213278	TRẦN THANH	PHÁP	K16XDD2	9.5				8	9			7.5	8.0	Tâm	
66	162213279	LƯU VŨ TẤN	PHONG	K16XDD2	10				9	9.5			6	7.5	Báy pháy Năm	
67	162213283	NGUYỄN HỒNG	QUÂN	K16XDD2	10				9	9.5			8.5	8.9	Tâm pháy Chèn	
68	162213288	NGUYỄN THƯỢNG	QUỐC	K16XDD2	8.5				9	9			8.5	8.7	Tâm pháy Báy	
69	162213293	NGÔ TRƯỜNG	SINH	K16XDD2	9.5				8	9			8.5	8.6	Tâm pháy Sầu	
70	162213298	THÁI VĂN	THẠCH	K16XDD2	9.5				8	9			6	7.2	Báy pháy Hai	
71	162213300	ĐOÀN NGỌC	THẠCH	K16XDD2	9.5				8.5	9			6.5	7.6	Báy pháy Sầu	
72	162213302	LÊ VĂN	THANH	K16XDD2	10				7	8.5			7.5	7.8	Báy pháy Tâm	
73	162213305	NGUYỄN TẤN	THÀNH	K16XDD2	10				9	9.5			7	8.1	Tâm pháy Mẩu	
74	162213308	NGUYỄN HỮU	THỜI	K16XDD2	9.5				8.5	9			6.5	7.6	Báy pháy Sầu	
75	162213313	NGUYỄN QUANG	THƯƠNG	K16XDD2	9.5				8	9			7	7.8	Báy pháy Tâm	
76	162213315	HÀ TRỌNG	THUY	K16XDD2	9.5				9	9.5			8.5	8.9	Tâm pháy Chèn	
77	162213319	NGUYỄN PHÚC ANH	TOÀN	K16XDD2	10				7	8.5			7.5	7.8	Báy pháy Tâm	
78	162213327	NGÔ VĂN	TRUNG	K16XDD2	9.5				8	9			7.5	8.0	Tâm	
79	162213330	NGUYỄN ĐỨC	TRƯỜNG	K16XDD2	10				9	9.5			5	7.0	Báy	
80	162213333	PHẠM MINH	TUẤN	K16XDD2	10				9	9.5			6.5	7.8	Báy pháy Tâm	
81	162213340	NGUYỄN HOÀNG	TUẤN	K16XDD2	10				8	9			7.5	8.1	Tâm pháy Mẩu	
82	162213343	L? ANH	TUẤN	K16XDD2	10				8	9			7.5	8.1	Tâm pháy Mẩu	
83	162213346	ĐOÀN VĂN	TÙNG	K16XDD2	9.5				8.5	9			8.5	8.7	Tâm pháy Báy	
84	162213349	V? Đ?NH	VŨ	K16XDD2	9.5				7	8.5			6.5	7.2	Báy pháy Hai	
85	162213352	PHAN TUẤN	VŨ	K16XDD2	10				9	9.5			10	9.7	Chèn pháy Báy	
86	162213357	TRẦN VĂN	VƯƠNG	K16XDD2	10				8.5	9.5			6	7.4	Báy pháy Bẩu	
87	162216429	LÊ VĂN	DUNG	K16XDD2	8.5				7	8			2	0.0	Khăng	
88	162216497	V? ĐỨC	ANH	K16XDD2	10				8.5	9.5			7	8.0	Tâm	
89	162216500	HOÀNG LÊ SÔNG	HIẾU	K16XDD2	9.5				8.5	9			7.5	8.1	Tâm pháy Mẩu	
90	162216831	NGUYỄN	CHIẾN	K16XDD2	9.5				8.5	9			7	7.9	Báy pháy Chèn	

91	162217174	NGUYỄN ĐỨC ANH	K16XDD2	10				8.5	9.5			5.5	7.2	Bảy pháp Hai
92	162217253	HOÀNG BI	K16XDD2	9.5				7	8.5			6	6.9	Sáu pháp Chèn
93	162223392	TRẦN TUẤN KHANH	K16XDD2	9.5				9	9.5			9.5	9.4	Chèn pháp Bấu
94	162314532	NGUYỄN THỊ KIM CHI	K16XDD2	10				9	9.5			7	8.1	Tám pháp Mâu
95	162113017	THÁI ĐẠI LỰC	K16XDD3	9.5				9	9.5			9.5	9.4	Chèn pháp Bấu
96	162163164	LÊ Đ?NH	ĐIỆP	K16XDD3	10			9	10			10	9.8	Chèn pháp Tam
97	162213207	ĐÀO NGUYỄN BÁ	K16XDD3	9.5				8	9			7	7.8	Bảy pháp Tam
98	162213209	V? ĐĂNG	B?O	K16XDD3	8			9.5	9			6	7.4	Bảy pháp Bấu
99	162213211	NGUYỄN THANH B?NH	K16XDD3	9.5				8.5	9			7.5	8.1	Tám pháp Mâu
100	162213214	TRẦN THANH CẢNH	K16XDD3	9.5				8	9			6	7.2	Bảy pháp Hai
101	162213215	TRẦN Đ?NH CHÍNH	K16XDD3	8.5				7.5	8			9	8.5	Tám pháp Năm
102	162213220	NGUYỄN ĐỨC DOANH	K16XDD3	10				7.5	9			6.5	7.4	Bảy pháp Bấu
103	162213222	NGUYỄN HỮU THANH DŨNG	K16XDD3	5				7.5	6.5			7	6.8	Sáu pháp Tam
104	162213226	NGUYỄN QUANG GIỚI	K16XDD3	9.5				9	9.5			6.5	7.8	Bảy pháp Tam
105	162213231	HOÀNG TRUNG HIỀN	K16XDD3	9.5				7	8.5			7	7.5	Bảy pháp Năm
106	162213232	LƯU CÔNG HIẾU	K16XDD3	9.5				8	9			7.5	8.0	Tám
107	162213240	NGUYỄN NGỌC HOÀNG	K16XDD3	7.5				7.5	7.5			5.5	6.4	Sáu pháp Bấu
108	162213242	BẠC CẨM THÁI HOÀNG	K16XDD3	10				8.5	9.5			6	7.4	Bảy pháp Bấu
109	162213251	TỪ SỸ HUY	K16XDD3	9.5				7.5	8.5			5.5	6.8	Sáu pháp Tam
110	162213254	TRẦN VƯƠNG KHIẾT	K16XDD3	9.5				9	9.5			8	8.6	Tám pháp Sáu
111	162213257	NGUYỄN Đ?NH LÍNH	K16XDD3	10				8.5	9.5			9.5	9.4	Chèn pháp Bấu
112	162213260	NGUYỄN THANH LONG	K16XDD3	10				9.5	10			10	9.9	Chèn pháp Chèn
113	162213268	TRẦN HẢI NAM	K16XDD3	8				7	7.5			8	7.7	Bảy pháp Bảy
114	162213272	NGUYỄN PHƯỚC BẢO NGỌC	K16XDD3	9				7.5	8.5			7	7.5	Bảy pháp Năm
115	162213275	LÊ BÁ NGUYỄN	K16XDD3	10				8.5	9.5			5.5	7.2	Bảy pháp Hai
116	162213280	BÙI VĂN PHÚ	K16XDD3	8.5				6.5	7.5			7	7.1	Bảy pháp Mâu
117	162213282	TRẦN HỮU PHƯƠNG	K16XDD3	7				8.5	8			6	6.9	Sáu pháp Chèn
118	162213285	ĐẶNG PHƯƠNG QUANG	K16XDD3	9.5				9.5	9.5			9	9.2	Chèn pháp Hai
119	162213289	NGUYỄN BÁ MINH QUỐC	K16XDD3	9.5				7.5	8.5			8.5	8.4	Tám pháp Bấu
120	162213296	ĐINH TRỌNG TÂM	K16XDD3	10				9.5	10			9	9.4	Chèn pháp Bấu
121	162213299	NGUYỄN VĂN THẠCH	K16XDD3	10				8.5	9.5			7	8.0	Tám
122	162213309	NGUYỄN HOÀNH THÓNG	K16XDD3	10				8.5	9.5			7	8.0	Tám
123	162213316	TRẦN DIỄN THUYẾT	K16XDD3	9.5				8	9			6	7.2	Bảy pháp Hai
124	162213318	NGUYỄN DUY TOÀN	K16XDD3	9.5				8	9			8.5	8.6	Tám pháp Sáu
125	162213326	TƯỜNG XUÂN TRÚC	K16XDD3	6				8	7			8.5	7.9	Bảy pháp Chèn
126	162213329	ĐÀO HỮU TRƯỜNG	K16XDD3	10				8	9			8	8.4	Tám pháp Bấu
127	162213332	NGUYỄN NGỌC TÚ	K16XDD3	0				0	0			HP	0.0	Khăng
128	162213335	PHẠM MAI QUANG TUẤN	K16XDD3	10				8	9			6	7.3	Bảy pháp Ba
129	162213336	NGUYỄN ANH TUẤN	K16XDD3	10				8.5	9.5			6.5	7.7	Bảy pháp Bảy
130	162213338	TRẦN ANH TUẤN	K16XDD3	9.5				7.5	8.5			7	7.6	Bảy pháp Sáu
131	162213344	MAI ĐỨC TUẤN	K16XDD3	9				8	8.5			6	7.1	Bảy pháp Mâu
132	162213351	TRẦN TUẤN VŨ	K16XDD3	8				8	8			7.5	7.7	Bảy pháp Bảy
133	162213353	NGUYỄN QUANG VŨ	K16XDD3	10				8	9			7	7.8	Bảy pháp Tam
134	162213355	ĐỖ MINH VƯƠNG	K16XDD3	10				8.5	9.5			8	8.5	Tám pháp Năm
135	162216808	NGUYỄN LÂM TÙNG	K16XDD3	10				8.5	9.5			9	9.1	Chèn pháp Mâu
136	162217572	NGUYỄN HOÀNG THIÊ NHÂN	K16XDD3	10				8	9			7	7.8	Bảy pháp Tam
137	162217670	NGUYỄN TUẤN TRUNG	K16XDD3	10				7.5	9			5.5	6.9	Sáu pháp Chèn
138	162223374	HUỶNH NGỌC HẠNH	K16XDD3	8.5				7.5	8			7.5	7.7	Bảy pháp Bảy
139	162333778	NGUYỄN VĂN QUANG	K16XDD3	10				8.5	9.5			7.5	8.3	Tám pháp Ba
140	152215928	NGUYỄN ĐĂNG TÂN	K16XDD3	3				0	0			V	0.0	Khăng

141	152212641	VŨ TRẦN DUY	TÂN	K16XDD3	3				0	0		V	0.0	Khăng
142	152215527	NGUYỄN THIÊN	HÙNG	K16XDD3	7				6.5	7		5	5.8	Nằm pháy Tâm
143	142211241	HỒ CHÍ	NAM	K16XDD3	8				6.5	7.5		9	8.2	Tâm pháy Hai
1	1174	NGUYỄN TUẤN	ANH	K14XDD	0				0	0		V	0.0	Khăng
2	1250	TRẦN NGỌC	PHÚ	K14XDD	8				6.5	7.5		6	6.5	Sầu pháy Năm
3	4550	HỒ CÔNG QUỐC	PHONG	K15XCD	6				6	6		5	5.5	Nằm pháy Năm
4	2617	NGUYỄN TRỌNG	HOÀNG	K15XDD	9.5				8	9		4	6.1	Sầu pháy Mãi
5	6157	NGUYỄN Đ?NH	TÂN	K15XDD	9.5				8	9		6.5	7.5	Bay pháy Năm
6	1190	NGÔ NGỌC	CHÍNH	K14XDD	8				6.5	7.5		6	6.5	Sầu pháy Năm

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	141	95%	
2	Số sinh viên nợ	8	5%	
TỔNG CỘNG :		149	100%	

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 01 năm 2013
PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(k? và ghi r? họ tên)

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(k? và ghi r? họ tên)

L?NH ĐẠO KHOA
(k? và ghi r? họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú